

Bản án số: 03/2023/DSST

Ngày: 16/01/2023

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Nguyễn Văn Sang*.

Bà *Lê Thị Tuyết Mai*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Võ Thị Phi Liễu* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R, thành phố C T tham gia phiên tòa: Bà *Võ Thị Nhu* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐST-DS ngày 26/12/2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn H K**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 71/19 Trần Phú, phường C K, quận N K, thành phố C T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn V P**, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 234/32, Hoàng Quốc Việt, Khu vực 4, phường A B, quận N K, thành phố C T.

\* Bị đơn:

1. Ông **Huỳnh V T**, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

2. Bà **Từ T K T**, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 232/1 khu vực Yên Thạnh, phường Thường Thạnh, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên trước đây, ông Huỳnh V T và vợ là bà Từ T K T có vay của ông Nguyễn H K số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/09/2021, số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tài sản ngày 27/09/2021 và 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tài sản ngày 29/09/2021. Hai bên có thỏa thuận miệng với nhau hàng tháng ông T và bà T trả tiền lãi cho ông K là 0,83%/tháng.

Tuy nhiên, từ khi nhận tiền tới nay ông T và bà T không trả tiền lãi theo thỏa thuận. Nhiều lần liên hệ ông T và bà T trả nợ nhưng ông T và bà T luôn tìm cách né tránh và không có thái độ hợp tác.

Vì vậy, nay ông K có đơn khởi kiện gửi đến Quý Tòa án yêu cầu giải quyết buộc ông Huỳnh V T và vợ là bà Từ T K T có nghĩa vụ trả cho ông K tổng số tiền gồm:

Số tiền: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tiền gốc, tiền lãi trên nợ gốc 0,83%/tháng tính từ tháng 09/2021 đến tháng 10/2021 là  $(700.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 01 \text{ tháng} = 5.810.000 \text{ đồng}$  (Năm triệu, tám trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 1,25% tính từ tháng 11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 04 tháng:  $(700.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%) \times 4 \text{ tháng} = 35.000.000 \text{ đồng}$  (Ba mươi lăm triệu đồng).

Số tiền: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) tiền gốc, tiền lãi trên nợ gốc 0,83%/tháng tính từ tháng 09/2021 đến tháng 11/2021 là  $(600.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 02 \text{ tháng} = 9.960.000 \text{ đồng}$  (Chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 1,25% tính từ tháng 12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 03 tháng:  $(600.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%) \times 3 \text{ tháng} = 22.500.000 \text{ đồng}$  (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Số tiền: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, tiền lãi trên nợ gốc 0,83%/tháng tính từ tháng 09/2021 đến tháng 12/2021 là  $(200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 03 \text{ tháng} = 4.980.000 \text{ đồng}$  (Bốn triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 1,25% tính từ tháng 01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 02 tháng:  $(200.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%) \times 02 \text{ tháng} = 5.000.000 \text{ đồng}$  (Năm triệu đồng).

Đối với các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và xét xử vắng mặt bị đơn.

Do phía bị đơn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa,*

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn V P trình bày. Vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc tổng cộng 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng). Đối với tiền lãi thì yêu cầu như sau:

Đối với tiền nợ gốc 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) thì yêu cầu tiền lãi trên nợ gốc 0,83%/tháng tính từ tháng 09/2021 đến tháng 10/2021 là  $(700.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 01 \text{ tháng} = 5.810.000 \text{ đồng}$  (Năm triệu, tám trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 1,25% tính từ tháng 11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm:  $(700.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%) \times 15 \text{ tháng} = 131.250.000 \text{ đồng}$  (Một trăm hai mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) thì yêu cầu tiền lãi trên nợ gốc 0,83%/tháng tính từ tháng 09/2021 đến tháng 11/2021 là  $(600.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 02 \text{ tháng} = 9.960.000 \text{ đồng}$  (Chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 1,25% tính từ tháng 12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm:  $(600.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%) \times 13 \text{ tháng} = 97.500.000 \text{ đồng}$  (Chín mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn đồng ý làm tròn 13 tháng.

Đối với tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thì yêu cầu tiền lãi trên nợ gốc 0,83%/tháng tính từ tháng 09/2021 đến tháng 12/2021 là  $(200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 03 \text{ tháng} = 4.9800.000 \text{ đồng}$  (Bốn triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 1,25% tính từ tháng 01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm:  $(200.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%) \times 12 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$  (Ba mươi triệu đồng). Nguyên đơn đồng ý làm tròn 12 tháng.

Tổng cộng tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 279.500.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký,... và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án như sau:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp.

Về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện Viện kiểm sát đề nghị như sau: áp dụng Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Huỳnh V T, bà Từ T K T trả số tiền đã vay tổng cộng 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) cho nguyên đơn và lãi suất với tổng số tiền 279.500.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay tổng cộng 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) theo các hợp đồng vay tiền mà bị đơn đã ký và tiền lãi. Trong quá trình cho vay, bị đơn không thực hiện trả nợ như cam kết, khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Bộ luật dân sự điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự mà cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về phần thủ tục:*

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có cơ sở.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T, bà T phải thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) theo các hợp đồng vay tiền đã ký. Cơ sở để nguyên đơn yêu cầu là hợp đồng vay tiền ngày 14/09/2021, ngày 27/09/2021 và ngày 29/09/2021 được công chứng, chứng thực tại Văn phòng công Chứng Đỗ Thị Hà và Văn phòng công chứng Chử Duy Thanh, có chữ ký của nguyên và bị đơn.

Tại nội dung của các hợp đồng vay tiền nêu trên thể hiện số tiền vay, thời hạn vay và lãi các bên tự thỏa thuận,... Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định từ khi cho bị đơn vay tiền thì bị đơn không thực hiện việc đóng lãi cũng như trả nợ gốc, nguyên đơn đã liên hệ nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì đã thông báo trên phương tiện báo đài để yêu cầu bị đơn liên hệ với Tòa án để giải quyết quan hệ tranh chấp nhưng bị đơn vẫn không đến. Sau quá trình thụ lý, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T, ông T nhiều lần để cho ông, bà có ý kiến trình bày về khoản nợ vay này để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ông, bà nhưng ông, bà vẫn không tham gia hòa giải, xét xử cũng như nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình về khoản nợ này. Điều đó cho thấy bà T, ông T tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do bà T, ông T là người trực tiếp ký các hợp đồng vay tiền có công chứng chứng thực nói trên nên ông, bà phải là người có nghĩa vụ đối với số tiền nợ đã ký nhận. Vì vậy, cần tuyên buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc tổng cộng 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) cho nguyên đơn.

Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong thời hạn cho vay với lãi suất là 0,83%/tháng và lãi suất quá hạn chậm trả là 1,25%/tháng. Xét thấy, phía bị đơn vay tiền của nguyên đơn chưa thanh toán nợ gốc thì phải có nghĩa vụ trả nợ lãi chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong. Tuy nhiên, theo hợp đồng vay các bên ghi lãi suất thỏa thuận và không ghi rõ số lãi cụ thể, phía nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 0,83%/tháng nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện có sự thỏa thuận mức lãi suất này trong khi đó bị đơn vắng mặt. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và tại điểm a và b khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm do đó Hội đồng xét xử chỉ thống nhất, chấp nhận tính tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi chậm trả tương ứng bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định là 20%/năm của khoản tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả

lãi suất từ ngày ký hợp đồng vay mượn tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/01/2023 tương ứng với mức lãi suất 0,83%/tháng. Cụ thể như sau:

Ngày 14/09/2021, vay số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tính đến ngày 16/01/2023 tương ứng với thời gian 01 năm 04 tháng 02 ngày với lãi suất 0,83%/tháng thì tiền lãi:

$700.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 93.347.000 \text{ đồng}$  (Chín mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Ngày 27/09/2021, vay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) tính đến ngày 16/01/2023 tương ứng với thời gian 01 năm 03 tháng 20 ngày với lãi suất 0,83%/tháng thì tiền lãi:

$600.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 78.020.000 \text{ đồng}$  (Bảy mươi tám triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 29/09/2021, vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tính đến ngày 16/01/2023 tương ứng với thời gian 01 năm 03 tháng 18 ngày với lãi suất 0,83%/tháng thì tiền lãi:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 25.896.000 \text{ đồng}$  (Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Tổng lãi cộng tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn: 197.263.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng)

Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 16/01/2023 là: 1.500.000.000 đồng + 197.263.000 đồng = 1.697.263.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Như đã phân tích nêu trên, do trên các hợp đồng vay tiền các bên thỏa thuận không có ghi rõ lãi suất cụ thể nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi chậm trả đối với lãi suất 1,25%/tháng với tổng số tiền lãi yêu cầu 279.500.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng) là cao hơn mức lãi suất quy định tương ứng với tổng số tiền 82.237.000 đồng (Tám mươi hai triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng) nên Hội đồng không chấp nhận phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự trên phần nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên án:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H K.

Buộc bị đơn ông Huỳnh V T, bà Từ T K T có nghĩa vụ thanh toán trả cho nguyên đơn ông Nguyễn H K tổng số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/01/2023 với tổng số tiền 197.263.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H K về việc yêu cầu bị đơn ông Huỳnh V T, bà Từ T K T phải trả lãi suất chậm trả là 1,25%/tháng vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng tạm tính đến ngày 16/01/2023 tương ứng với tổng số tiền lãi suất vượt mức quy định là 82.237.000 đồng (Tám mươi hai triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

2. Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 62.910.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, chín trăm mười nghìn đồng).

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 4.111.500 đồng (Bốn triệu, một trăm mười một nghìn, năm trăm đồng) khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã đóng 29.748.750 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0008636 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R thì nguyên đơn được nhận lại số tiền 25.637.250 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- **Nơi nhậm:**

- + VKSND quận C R;
- + Chi Cục THADS quận C R;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

**TRẦN THỊ HỒNG GÁM**